TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 4 – 2025
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

2. Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thúy A, sinh năm: 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M.T.A, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M.T.A, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp M.T.A, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông B: Chị Dương Kim H, sinh năm: 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025, xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T.P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Bà Trương Thị Út E, sinh năm: 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M.T.A, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 27/5/2024, quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thúy A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ng kết hôn từ năm 2016, có đăng ký

kết hôn tại UBND xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, luôn cải vả, do mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm sức mẻ, không còn hạnh phúc. Do đó, chị quyết định ly hôn với anh Ng.

- Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh Ng có 02 người con chung là Nguyễn Ng.Tr, sinh ngày 06/6/2017 và Nguyễn B.Tr, sinh ngày 25/3/2020, hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hết 02 con, yêu cầu anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/con.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có 31 chỉ vàng 24K, 12 chỉ vàng 18K, tiền mặt 70.000.000đ và 01 chiếc xe Wave SX trị giá 26.000.000đ. Số vàng này mẹ chồng chị là bà Trương Thị Út E cất giữ nên chị yêu cầu bà Út E phải trả lại để vợ chồng chị chia đôi. Tuy nhiên, quá trình Tòa án hòa giải, mẹ chồng chị và chồng chị không thừa nhận. Do đó, chị có đơn thay đổi yêu cầu về tài sản. Nay chị xác định quá trình sống chung gia đình cha mẹ chồng, chị bỏ rất nhiều công sức, tiền bạc để tôn tạo, phát triển khối tài sản chung của gia đình. Vì vậy, khi ly hôn, chị yêu cầu ông B và bà Út E phải trả cho chị công sức đóng góp bằng 162.000.000đ.

- Về nợ chung: Chị A xác định không có.

* Trong biên bản trình bày ý kiến ngày 25/12/2024, anh Nguyễn Văn Ng xác định:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn tiền bạc không thể giải quyết nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thúy A.

- Về con chung: Anh xác định có 02 người con chung là Nguyễn Ng.Tr, sinh ngày 06/6/2017 và Nguyễn B.Tr, sinh ngày 25/3/2020, hiện sống chung với chị A. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi; trường hợp chị A nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh xác định trong ngày cưới, cha mẹ có cho vợ chồng anh 10 chỉ vàng 24K và cặp nhẫn cưới, sau đó đã bán 07 chỉ vàng 24K để mua chiếc xe, còn lại 03 chỉ vàng 24K anh trị bệnh hết, hiện chỉ còn cặp nhẫn cưới.

- Về nợ chung: Anh xác định không có.

* Trong biên bản hòa giải ngày 06/3/2025, bà Trương Thị Út E trình bày:

Quá trình chị A sống chung với gia đình bà, chị A cũng có làm thuê, làm công việc gia đình nhưng để nuôi con, sinh hoạt gia đình nên cũng không có dư dã gì. Nay chị A yêu cầu được chia công sức đóng góp thì bà chấp nhận chia cho chị A số tiền 80.000.000đ. Ngoài ra, bà không còn khả năng thêm.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B – chị Dương Kim H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị Út E, chị với tư cách là

người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B, chị đồng ý chia công sức đóng góp cho chị A số tiền 80.000.000đ.

Chị A thống nhất nhận số tiền 80.000.000đ của ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Út E giao, chị không đặt ra yêu cầu nào khác hoặc thay đổi yêu cầu nào nữa.

Do nhà ở xa, điều kiện công việc làm ăn nên việc đi lại tham gia phiên tòa gặp nhiều khó khăn. Do đó, chị A, anh Ng, bà Út E, chị Kim H xin vắng mặt trong quá trình Tòa án xét xử vụ án. Các đương sự không ai khiếu nại việc vắng mặt của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thúy A và anh Nguyễn Văn Ng là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Nguyễn Thúy A, chị Dương Kim H và bà Trương Thị Út E, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy A và anh Nguyễn Văn Ng xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa chị A và anh Ng là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cải vả, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không hiệu quả, đồng thời anh Ng xét thấy không thể đoàn tụ nên thống nhất ly hôn với chị A. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A ly hôn với anh Ng là có căn cứ.

[3] Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Ng.Tr và cháu Nguyễn B.Tr do chị A đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tòa án tiến hành ghi ý kiến cháu Nguyễn Ng.Tr thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị A. Đối với cháu Nguyễn B.Tr tuy chưa đủ 07 tuổi, Tòa án không ghi ý kiến nhưng qua tham khảo nguyện vọng của cháu thì cháu cũng muốn được sống chung với chị A. Bên cạnh đó, các cháu hiện sống cùng nhau và sống chung với chị A nên tình cảm, tâm lý, sự gắn bó, yêu thương, môi trường sống các cháu đã ổn định. Vì vậy, tiếp tục giao cháu Ng.Tr và cháu B.Tr cho chị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị A yêu cầu anh Ng cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/người con. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và

gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, anh Ng hiện tại cũng có công việc và thu nhập tương đối ổn định, xét điều kiện thu nhập thực tế của anh Ng, mức sống, mức lương tối thiểu vùng, mức sinh hoạt thường ngày tại địa phương đối với một trẻ và theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương tối thiểu vùng hiện nay do Nhà nước quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo Danh mục địa bàn vùng đối với huyện T là 3.640.000đ. Vì vậy, buộc anh Ng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ng.Tr và cháu Nguyễn B.Tr mỗi tháng 1.000.000đ/người con theo yêu cầu của chị A là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung: Chị A không đặt ra yêu cầu phân chia tài sản chung mà thay vào đó là yêu cầu phân chia công sức đóng góp, tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung của gia đình: Xét thấy ngày 06/3/2025, giữa chị Nguyễn Thúy A, bà Trương Thị Út E và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B có sự thỏa thuận thống nhất giao – nhận số tiền 80.000.000đ. Sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về nợ chung: Chị A và anh Ng khai rằng giữa anh, chị không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia công sức đóng góp, tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung của gia đình, người được nhận tài sản phải chịu theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 61, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thúy A về việc ly hôn anh Nguyễn Văn Ng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ng.Tr, sinh ngày 06/6/2017 và Nguyễn B.Tr, sinh ngày 25/3/2020 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc

anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng.Tr và cháu B.Tr mỗi tháng 1.000.000đ/người con. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Ng.Tr và B.Tr đủ 18 tuổi. Anh Ng không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Út E và ông Nguyễn Văn B giao cho chị Nguyễn Thúy A số tiền 80.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị A phải chịu 300.000đ; án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia công sức đóng góp, chị A phải chịu 4.000.000đ. Ngày 18/7/2024, chị A đã nộp tạm ứng án phí 4.750.000đ theo biên lai số 5321, 5322 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu 4.300.000đ, chị Ađược hoàn lại 450.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh Ng phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị A, và anh Ng, ông B, bà Út E được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã K.B.T.B, huyện Trần Văn Thời;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải